

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/DS-PT

Ngày: 06 – 9 – 2023

V/v tranh chấp “quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp “quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Trần Văn C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp T, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Văn C: Bà Võ Thị U, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp T, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

2/ Bà Trần Thị Bé Đ, sinh năm 1936; Địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Bé Đ: Anh Trần Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Minh L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Long Điền T; Địa chỉ: Ấp Thuận Đ, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đại Hồng D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Điền T (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị U, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp T, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

3. Bà Lê Thị C (tên gọi khác Trong), sinh năm 1967 (vắng mặt).

4. Anh Trần Văn C, sinh năm 1989 (có mặt).

5. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

6. Chị Trần Bích T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp Hiếu Xuân, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

7. Chị Trần Bích C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Cây Giang, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

8. Chị Tăng Thị Xà P, sinh năm 1978

9. Anh Trần Minh Ph, sinh năm 2003

10. Anh Trần Minh L, sinh năm 2000

11. Anh Trần Minh Ch, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trần Bích T, chị Trần Bích C, chị Tăng Thị Xà P, anh Trần Minh Ph, anh Trần Minh Lộc, anh Trần Minh Ch: Ông Trần Minh L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

12. Cháu Trần Hà M, sinh năm 2012

13. Cháu Trần Thị Diễm M1, sinh năm 2014

Người đại diện theo pháp luật của Trần Hà M và Trần Thị Diễm M1: chị Tăng Thị Xà P (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

14. Bà Trần Thị H, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp An Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

15. Ông Trần Văn H; Địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).
16. Ông Trần Văn C2, sinh năm 1959 (vắng mặt).
17. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1971 (vắng mặt).
18. Bà Trần Thị V, sinh năm 1975 (vắng mặt).
19. Bà Trần Thị Ngh, sinh năm 1977 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp Th, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.
20. Ông Trần Văn C3, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt có đơn).
21. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt có đơn).
22. Bà Trần Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (vắng mặt có đơn).

- **Người kháng cáo:** Bà Trần Thị Bê Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông C yêu cầu ông Trần Minh L trả cho ông diện tích đất tranh chấp chiều ngang 33,40m², chiều dài 22,40m². Theo đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp giữa ông, bà Đ với ông L và phần đất tranh chấp giữa ông với ông L có diện tích 723,2m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B. Trong diện tích đất 723,2m² thì có 423,2m² ông yêu cầu ông L trả cho ông và bà Đ cũng có yêu cầu ông L trả cho bà Đ. Ngày 12/12/2022, ông C có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 423,2m². Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 194,7m² tại tờ bản đồ số 64, ông chỉ yêu cầu ông L trả cho ông diện tích đất 105,3m², tờ bản đồ số 64. Nguồn gốc đất tranh chấp 105,3m² của cha ông là ông Trần Văn B khai phá, sử dụng vào năm 1960, chiều dài 100m, chiều ngang 90m. Năm 1976 người dân hiến đất cho Nhà nước mức kênh làm lộ nên phần đất của ông B bị cắt ngang làm hai phần, phần đất tranh chấp là phần đất con kênh rất chũng sâu và cây cối mọc um tùm nên chỉ sử dụng cho tàu, xuồng của người dân địa phương đi lại. Năm 1991, ông Trần Văn B cho phần đất tranh chấp cho ông Trần Văn C nhưng chỉ nói miệng, không ai khác chứng kiến, do đất kênh trũng sâu, cây cối mọc um tùm nên ông cũng không sử dụng. Năm 1992, Nhà nước tiếp tục mức đất làm lộ Giá Rai - Gành Hào nên phần đất tranh chấp gia đình ông nghĩ là kênh công cộng của Nhà nước nên ông không sử dụng. Phần đất tranh chấp là trước nhà của ông L nên ông L đốn cây, đặt lú bắt cá, tôm từ năm 1980 đến nay. Khoảng năm 2010 kinh tế gia đình khó khăn nên ông đi nơi khác sinh sống. Năm 2015 thì ông trở

về địa phương sinh sống, ông nghe người khác nói lại là ông L kêu người bán đất tranh chấp, ông ngăn cản và phát sinh tranh chấp.

Cha ông tên Trần Văn B (tên gọi khác Ba Đen), mẹ tên Nguyễn Thị H1, bà H1 chết lúc còn chiến tranh nên không nhớ được năm nào, gia đình không làm giấy chứng tử, ông B chết năm 1997, khi chết không để lại di chúc. Ông B và bà H1 có 04 người con gồm: Bà Trần Thị H, ông Trần Văn C2, Trần Văn C (là nguyên đơn), Trần Thị D, bà D chết đã rất lâu nên không nhớ chết năm nào, khi chết bà D còn nhỏ. Sau khi bà H1 chết thì ông B có chung sống với bà Nguyễn Thị C, bà C đã chết, không để lại di chúc. Ông B và bà C có 07 người con gồm: Ông Trần Văn H, ông Trần Văn Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị Ngh, Trần Văn Chung, Trần Văn P1. Phần đất tranh chấp khi còn sống ông B đã cho ông và ông cũng là con út trong gia đình nên yêu cầu ông L trả phần đất tranh chấp cho ông. Trường hợp Toà án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và bà Đ đối với ông L thì ông tự nguyện chịu 50% chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông thì ông đồng ý hỗ trợ chi phí gìn giữ, tôn tạo đất cho ông L 30.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Bê Đ là anh Trần Văn C, đồng thời anh Ch cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Trần Văn C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất bà Trần Thị Bê Đ tranh chấp với ông Trần Minh L thì bà Đ cũng đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Trần Thị Bê Đ với ông Trần Minh L là của ông Trần Văn Đ (ông Đ là cha của bà Đ và ông Trần Văn B), ông Đ sử dụng đất đến năm 1970 thì cho đất cho bà Đ, không nhớ cho đất diện tích bao nhiêu, khi cho đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Năm 1976 người dân tự nguyện hiến đất làm lộ nên Nhà nước mức kênh làm lộ nên lấy đất từ đất tranh chấp đổ lên lộ, do đó phần đất tranh chấp trũng sâu, cây cối mọc um tùm nên bà Đ không sử dụng đất. Khoảng năm 1980 ông L sử dụng đất bằng việc chặt cây mắm, đước, dọn cây tạp, đặt lú bắt tôm, cá đến nay. Năm 2008 ông L trồng cây trên đất, bà Đ ngăn cản nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đến năm 2009 Đoàn hành quân dã ngoại có giải quyết tranh chấp, kết quả xác định nguồn gốc đất tranh chấp của bà Đ, nhưng thời điểm tranh chấp thì là đất bảo lưu lộ, là đất của Nhà nước nên bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông L. Do đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Đ nên yêu cầu ông L trả đất tranh chấp cho bà Đ, trường hợp khi nào Nhà nước sử dụng đất thì bà Đ trả đất cho Nhà nước. Tại Đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 bà Đ yêu cầu ông L trả đất chiều ngang 33,4m, chiều dài 11,2m; đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có diện tích 423,2m², tờ bản đồ số 64. Ngày 12/12/2022, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 102m², chỉ yêu cầu ông L trả diện tích đất 321,2m². Trường hợp Toà án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông L thì bà Đ tự nguyện chịu 50% chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì bà Đ đồng ý hỗ trợ chi phí gìn giữ, tôn tạo đất cho ông L 30.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Minh L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Bích T, chị Trần Bích C, anh Trần Minh Ch, chị Tăng Thị Xà P, anh Trần Minh Ph, anh Trần Minh L trình bày: Nguồn

gốc đất tranh chấp giữa ông Trần Văn C đối với ông qua đo đạc thực tế diện tích 105,3m², tờ bản đồ số 64 và nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà Trần Thị Bê Đ đối với ông diện tích đo đạc thực tế 321,2m², tờ bản đồ số 64, đất cùng toạ lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B là ông được Ban nhân dân ấp Bình Điền cấp cho ông vào khoảng năm 1978, thời điểm này đại diện Ban nhân dân ấp là ông Trần Văn G (là ấp Đội Trưởng) và ông Đào Văn H (trưởng ấp), khi cấp đất thì ông G và ông H có đo đạc thực tế và giao đất không làm giấy tờ; khi được giao đất thì ông cất nhà ở, trồng cây mắm, đước, đồn bỏ các cây tạp, trồng lá và đặt lú bắt tôm, cá; quá trình sử dụng đất thì có cải tạo chặt các cây tạp trên đất và cải tạo thành đất trồng như hiện nay. Ông sử dụng đất từ năm 1980 đến nay, ông C và bà Đ chưa lần nào sử dụng đất tranh chấp; quá trình sử dụng đất không phát sinh tranh chấp với ông C, vào năm 2015 ông C mới tranh chấp với ông do ông C nghe người khác nói lại là ông kêu người bán đất và khởi kiện từ năm 2018 cho đến nay. Năm 2009 bà Trần Thị Bê Đ có tranh chấp đất với ông, thời điểm này có Đoàn Bộ đội hành quân dã ngoại giải quyết tranh chấp, kết quả xác định không chấp nhận yêu cầu của bà Đ do đất tranh chấp là đất bảo lưu lộ, là đất của Nhà nước. Phần đất tranh chấp là bảo lưu lộ, bảo lưu kênh, là đất của Nhà nước, khi nào Nhà nước lấy lại thì ông trả cho Nhà nước, không đồng ý trả cho bà Đ. Ông L không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông C và bà Đ. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ đối với ông. Trường hợp Toà án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ, ông C đối với ông thì đối với đất tranh chấp ông không có yêu cầu công nhận cho ông và không có yêu cầu gì khác. Trường hợp Toà án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ đối với ông thì ông cũng không yêu cầu trả công sức gìn giữ, tôn tạo đất cho ông.

Bà Võ Thị U trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn C, phần đất tranh chấp ông Trần Văn B cho vợ chồng bà. Bà đồng ý lời trình bày và yêu cầu của ông C đối với ông L, bà không có ý kiến gì khác.

Ủy ban nhân dân xã Long Điền Tây, người đại diện theo pháp luật bà Đại Hồng D trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Trần Thị Bê Đ với ông Trần Minh L là đất bảo lưu lộ Giá Rai - Gành Hào, không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Phần đất tranh chấp giữa ông Trần Văn C với ông Trần Minh L thì có 105,3m², tờ bản đồ số 64 là đất kênh thủy lợi, Cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do đó, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Ngh trình bày: Bà là con của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị C, ông B và bà C có 07 người con gồm: Trần Văn H, Trần Văn Th, Trần Thị H, Trần Thị V, Trần Văn C3, Trần Văn P1 và bà. Nguồn gốc đất tranh chấp không biết của ai, chỉ thấy ông L sử dụng đất cách nay hơn 30 năm; không thấy ông C và bà Đ sử dụng đất tranh chấp, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án; đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ án.

Bà Trần Thị H trình bày: Cha mẹ bà là ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H1, ông B và bà H1 chết đã lâu nên không nhớ năm nào, khi chết không để lại di chúc. Ông B và bà H1 có 04 người con gồm: Bà, ông Trần Văn C, Trần Thị D (chết còn nhỏ) và Trần Văn Chuẩn. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông C, bà Đ đối với ông L của cha bà là ông B; khi còn sống ông B có cho ông L mượn đất để cất nhà ở, bà chỉ nghe ông B nói lại chứ không trực tiếp chứng kiến, cho mượn đất cách nay hơn 40 năm. Phần đất tranh chấp không phải của bà Đ, bà Đ chưa lần nào sử dụng đất tranh chấp, ông C cũng chưa sử dụng đất tranh chấp mà do ông L sử dụng cách nay hơn 40 năm. Nay bà xác định đất tranh chấp do ông B cho ông L mượn, ông B và bà H1 chết thì ông C là con út trong gia đình nên được thừa hưởng phần đất tranh chấp, ông C toàn quyền sử dụng, định đoạt, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Trần Văn Th trình bày: Ông là con của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị C, ông B và bà C đã chết, ông B và bà C có 07 người con theo lời trình bày của bà Trần Thị Ngh là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp khi ông B còn sống thì ông B có nói là của ông, sau đó cho ông L sử dụng cách nay hơn 30 năm; ông biết được sự việc này là do nghe ông B nói lại; chưa lần nào thấy ông C, bà Đ sử dụng đất tranh chấp. Nay việc tranh chấp giữa ông C, bà Đ với ông L thì ông không có yêu cầu hay ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ án.

Bà Trần Thị V trình bày: Bà là con của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị C, ông B và bà C đã chết, ông B và bà C có 07 người con theo lời trình bày của bà Trần Thị Ngh là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông B, khi còn sống thì ông B có nói là cho ông L đất sử dụng; ông L đã sử dụng đất cách nay hơn 30 năm. Nay việc tranh chấp giữa ông C, bà Đ với ông L thì bà không có yêu cầu hay ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ án.

Ông Trần Văn P1 trình bày: Ông là con của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị C, ông B và bà C đã chết, ông B và bà C có 07 người con theo lời trình bày của bà Trần Thị Ngh là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông C, bà Đ với ông L như thế nào thì ông không biết. Nhà ông cách đất tranh chấp khoảng 30m, ông về địa phương sinh sống khoảng 20 năm, trong thời gian này ông thấy ông L sử dụng đất tranh chấp. Nay ông không có yêu cầu hay ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ án.

Ông Trần Văn C3 trình bày: Ông là con của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị C, ông B và bà C đã chết, ông B và bà C có 07 người con theo lời trình bày của bà Trần Thị Ngh là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp như thế nào thì ông không biết, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ án.

Bà Lê Thị C (Trong) trình bày: Phần đất tranh chấp là của bà Trần Thị Bê Đ, không phải đất của ông Trần Minh L nên bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông L.

Bà Lê Thị C1 trình bày: Đồng ý lời trình bày của anh Trần Văn C là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Bê Đ, không trình bày ý kiến gì khác.

Đối với ông Trần Văn Ch, ông Trần Văn H: Không đồng ý cho Tòa án ghi lời khai nên không tiến hành lấy lời khai họ được.

Các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Từ nội dung trên, Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu ông Trần Minh L trả diện tích đất 105,3m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B; đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn C rút một phần yêu cầu khởi kiện diện tích 194,7m² có số đo 33,40m.

- Hướng Tây giáp lộ WB2 có số đo 33,40m.

- Hướng Nam giáp đất kênh thủy lợi (ông Trần Văn H đang sử dụng) có số đo 3,16m.

- Hướng Bắc giáp đất kênh thủy lợi (do ông Phạm Minh T đang sử dụng) có số đo 3,16m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bê Đ về việc yêu cầu ông Trần Minh L trả diện tích đất 321.2m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B; đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất 102m (phần đất bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện) có số đo 33,40m.

- Hướng Tây giáp đất tranh chấp giữa ông Trần Văn C với ông Trần Minh L 194,7m² (ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện) có số đo 33,40m.

- Hướng Nam giáp đất kênh thủy lợi (do ông Trần Văn H đang sử dụng) có số đo 9.70m.

- Hướng Bắc giáp đất kênh thủy lợi (do ông Phạm Minh T đang sử dụng) có số đo 9.57m.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với diện tích đất 423,2m² và diện tích 194,7m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bê Đ đối với diện tích đất 102m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, nguyên đơn bà Trần Thị Bê Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bê Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án vụ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Bê Đ gửi đến Tòa án ngày 27/01/2023 là còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Ngh, ông Trần Văn Th, bà Trần Thị V, ông Trần Văn C3, ông Trần Văn P1, bà Trần Thị H vắng mặt theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ủy ban nhân dân xã Long Điền Tây, bà Võ Thị U, bà Lê Thị C (Trong), bà Lê Thị C1, bà Trần Thị H, ông Trần Văn Ch, ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị Bê Đ, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bê Đ, thấy rằng:

[2.1] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc phần đất tranh chấp theo kháng cáo của bà Trần Thị Bê Đ có diện tích 321,2m², tại tờ bản đồ số 64, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất 102m² (phần đất bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện) có số đo 33,40m.

- Hướng Tây giáp đất tranh chấp giữa ông Trần Văn C với ông Trần Minh L 194,7m² (ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện) có số đo 33,40m.

- Hướng Nam giáp đất kênh thủy lợi (do ông Trần Văn H đang sử dụng) có số đo 9.70m.

- Hướng Bắc giáp đất kênh thủy lợi (do ông Phạm Minh T đang sử dụng) có số đo 9.57m.

Hiện trạng: Trên phần đất tranh chấp có 01 cây mắm lớn do ông Trần Minh L trồng.

[2.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguồn gốc đất tranh chấp anh Ch xác định của cha bà Đ là của ông Trần Văn Đ khai phá, ông Đ sử dụng đất đến năm 1970 thì cho bà Đ, khi cho đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Năm 1976 bà Đ hiến đất cho Nhà nước mức kênh làm lộ nên lấy đất từ đất tranh chấp để đổ lên lộ, đất tranh

chấp trồng sâu, cây cối mọc um tùm nên bà Đ không sử dụng đất mà do ông L sử dụng dọn nhánh cây mắm, cây đước, cây tạp từ năm 1980 đến nay. Năm 2009, ông L trồng cây trên đất tranh chấp nên bà Đ ngăn cản và có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại Biên bản hoà giải ngày 19/3/2009, Tổ hoà giải của Đoàn hành quân dã ngoại đã xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Đ nhưng bác yêu cầu của bà Đ do đất tranh chấp là đất bảo lưu lộ và kênh. Còn ông Trần Minh L xác định: Nguồn gốc đất tranh chấp là ông được Ban nhân dân ấp Bình Điền cấp cho ông vào khoảng năm 1978, thời điểm này đại diện Ban nhân dân ấp là ông Trần Văn G (là ấp Đội Trưởng) và ông Đào Văn H (trưởng ấp), khi cấp đất thì ông G và ông H có đo đạc thực tế và giao đất không làm giấy tờ. Ông sử dụng đất cất nhà ở, trồng cây mắm, đước, trồng lá và đặt lú bắt tôm, cá. Quá trình sử dụng đất thì có cải tạo, chặt các cây tạp trên đất và cải tạo thành đất trồng như hiện nay. Năm 2009, bà Trần Thị Bê Đ có tranh chấp đất với ông, thời điểm này có Đoàn Bộ đội hành quân dã ngoại (Bộ đội về nguồn) giải quyết tranh chấp, kết quả xác định không chấp nhận yêu cầu của bà Đ do đất tranh chấp là đất bảo lưu lộ, là đất của Nhà nước.

[2.3] Quá trình sử dụng đất: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm anh Ch xác định bà Đ không sử dụng đất tranh chấp. Như vậy, lời khai của anh Ch phù hợp với lời khai của ông L về thời gian sử dụng đất là ông L sử dụng đất từ năm 1980, bà Đ không sử dụng đất tranh chấp. Đây là tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, tại Biên bản hoà giải ngày 19/3/2009 (pho to) do bà Đ cung cấp, thể hiện kết quả giải quyết tranh chấp Tổ hoà giải của Đoàn hành quân dã ngoại bác yêu cầu của bà Đ đối với ông L do đất tranh chấp thuộc bảo lưu lộ và kênh, không thừa nhận là đất của ai. Kết quả hoà giải cũng được anh Ch và ông L thừa nhận đúng nội dung hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[2.4] Tại Công văn số 4037/UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải, Công văn số 260/CNVPĐKĐĐ và trích đo đất tranh chấp kèm theo Công văn ngày 16/12/2022 xác định: “...Phần đất tranh chấp là đất hành lang bảo lưu đường Giá Rai-Gành Hào theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025,; theo bản đồ chính quy năm 2006 là đất kênh thủy lợi, không có sổ thừa và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”.

[2.5] Như vậy, từ những căn cứ trên, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là đất hành lang bảo lưu đường Giá Rai - Gành Hào, do Nhà nước quản lý nên bà Đ yêu cầu ông L trả đất tranh chấp cho bà là không có cơ sở nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Bê Đ là có căn cứ. Đồng thời, giai đoạn phúc thẩm, bà Đ không cung cấp tài liệu, chứng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Bê Đ, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Bê Đ. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Bê Đ có đơn xin miễn nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Bê Đ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 165, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu ông Trần Minh L trả diện tích đất 105,3m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B; đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn C rút một phần yêu cầu khởi kiện diện tích 194,7m² có số đo 33,40m.

- Hướng Tây giáp lộ WB2 có số đo 33,40m.

- Hướng Nam giáp đất kênh thủy lợi (ông Trần Văn H đang sử dụng) có số đo 3,16m.

- Hướng Bắc giáp đất kênh thủy lợi (do ông Phạm Minh T đang sử dụng) có số đo 3,16m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bê Đ về việc yêu cầu ông Trần Minh L trả diện tích đất 321.2m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B; đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất 102m (phần đất bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện) có số đo 33,40m.

- Hướng Tây giáp đất tranh chấp giữa ông Trần Văn C với ông Trần Minh L 194,7m² (ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện) có số đo 33,40m.

- Hướng Nam giáp đất kênh thủy lợi (do ông Trần Văn H đang sử dụng) có số đo 9.70m.

- Hướng Bắc giáp đất kênh thủy lợi (do ông Phạm Minh T đang sử dụng) có số đo 9.57m.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với diện tích đất 423,2m² và diện tích 194,7m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bê Đ đối với diện tích đất 102m², tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại ấp B, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.681.180 đồng, buộc ông Trần Văn C và bà Trần Thị Bê Đ mỗi người phải chịu ½ là 2.340.590 đồng, ông Trần Văn C và bà Trần Thị Bê Đ đã nộp xong.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Bê Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông C và bà Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011337 ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

6.2 Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Bê Đ được miễn theo quy định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy